

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ**

Số: 181 /UBND - TCKH

Về việc công khai tình hình phê
duyet quyết toán dự án hoàn thành
năm 2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Chương Mỹ, ngày 10 tháng 02 năm 2020

Kính gửi:

- Các phòng, ban, ngành thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện;
- Các Chủ đầu tư trực thuộc huyện.

Thực hiện Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/2/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước; Thông tư 64/2018/TT-BTC ngày 30/07/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước. UBND huyện Chương Mỹ công khai số liệu phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành năm 2019 của các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn như sau:

1. Số liệu phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Tính đến ngày 31/12/2019 trên địa bàn huyện Chương Mỹ đã thẩm tra phê duyệt quyết toán 100 dự án (trong đó 46 dự án thuộc cấp huyện phê duyệt, 54 dự án thuộc cấp xã phê duyệt) với giá trị tổng mức đầu tư: 401.676 triệu đồng, giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán 364.774 triệu đồng, giá trị sau thẩm tra phê duyệt quyết toán 361.464 triệu đồng, chênh lệch giữa giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán và giá trị sau thẩm tra phê duyệt quyết toán là 3.311 triệu đồng, cụ thể:

+ Chủ đầu tư phòng Quản lý đô thị: 17 dự án với tổng mức đầu tư 51.081 triệu đồng, giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán 45.617 triệu đồng, giá trị sau thẩm tra phê duyệt quyết toán 45.435 triệu đồng.

+ Chủ đầu tư Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện: 21 dự án với tổng mức đầu tư 226.316 triệu đồng, giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán 201.251 triệu đồng, giá trị sau thẩm tra phê duyệt quyết toán 200.695 triệu đồng.

+ Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng khu đất dịch vụ xã Phú Nghĩa: 01 dự án tổng mức đầu tư 7.709 triệu đồng, giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán 6.825 triệu đồng, giá trị sau thẩm tra phê duyệt quyết toán 6.797 triệu đồng.

+ Các chủ đầu tư UBND xã, thị trấn: 61 dự án với tổng mức đầu tư 116.570 triệu đồng, giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán 111.081 triệu đồng, giá trị sau thẩm tra phê duyệt quyết toán 108.537 triệu đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Tổ chức thực hiện

UBND huyện Chương Mỹ yêu cầu các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn trong huyện thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Công khai số liệu phê duyệt quyết toán năm 2019 của các dự án hoàn thành được UBND huyện giao và phân cấp quản lý theo quy định tại Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/2/2005 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện nghiêm túc việc lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và xử lý vi phạm theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước; đề xuất các giải pháp để đẩy nhanh công tác quyết toán dự án hoàn thành.

Trên đây là Về việc công khai tình hình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành năm 2019 của huyện Chương Mỹ. UBND huyện gửi các đơn vị và chủ đầu tư biết được và nắm bắt kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TCKH huyện;
- Lưu: Văn thư.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đinh Mạnh Hùng

PHỤ LỤC BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 181 /UBND-TCKH ngày 10/2/2020)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Loại dự án (công trình)	Chủ đầu tư	Số dự án	TM đầu tư	Giá trị đề nghị QT	Giá trị QT được duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với QT được duyệt
1	2	3	4	5	6	7	7=(7)-(6)	8
Phần 1	Tổng cộng		100	401.676	364.774	361.464	(3.311)	69.512
1	Dự án QTQG							
2	Nhóm A							
3	Nhóm B							
4	Nhóm C		100	401.676	364.774	361.464	(3.311)	69.512
Phần 2	Chi tiết theo từng đơn vị							
1	Phòng Quản lý Đô thị		17	51.081	45.617	45.435	(181)	15.833
	Nhóm C		17	51.081	45.617	45.435	(181)	15.833
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hoàng Văn Thụ (đoạn qua xóm Nhân Mỹ, thôn Văn Mỹ)	Phòng Quản lý đô thị	1	860,1	862,1	862,1	-	862,1
	Cải tạo, nâng cấp đường GT thôn Đồi Miếu xã Nam Phương Tiến	Phòng Quản lý đô thị	1	531,1	531,1	531,1	-	531,1
	Cải tạo sửa chữa đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn qua khu đất đầu giá xã Hữu Văn	Phòng Quản lý đô thị	1	67,4	67,4	67,3	(0,1)	67,3
	Cải tạo, sửa chữa đường du lịch Chùa Trầm và tuyến đường từ đầu đường Du Lịch chùa Trầm đi xóm Kho thôn Long Châu Miếu	Phòng Quản lý đô thị	1	491,2	467,8	465,8	(2,1)	465,8
	Cải tạo, SC các điểm trường MN Trường Yên	Phòng Quản lý đô thị	1	785,7	740,7	740,5	(0,1)	740,5
	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Tiên Phương, Ngọc Hòa, Phú Nghĩa đoạn từ QL 6 đến thôn cá xã Ngọc Hòa	Phòng Quản lý đô thị	1	6.427,0	5.882,4	5.878,8	(3,6)	2.152,9
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Việt An (đoạn qua nhà thờ xóm Khúc Bằng) xã Tân Tiến huyện Chương Mỹ	Phòng Quản lý đô thị	1	776,0	528,3	523,4	(4,9)	523,4
	Cải tạo, sửa chữa cầu Trĩ Thủy xã Thủy Xuân Tiên	Phòng Quản lý đô thị	1	356,4	352,7	352,7	-	352,7
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn An Tiến, thôn Thuận Lương xã Hoàng Văn Thụ	Phòng Quản lý đô thị	1	7.439,0	7.343,9	7.322,8	(21,1)	4.322,8
	Cải tạo, sửa chữa hội trường UBND huyện Chương Mỹ	Phòng Quản lý đô thị	1	811,9	829,9	811,9	(18,0)	80,3
	Cải tạo, sửa chữa trường MN Chúc Sơn B, trường Tiểu học Xuân Mai B, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	Phòng Quản lý đô thị	1	894,5	872,2	865,2	(7,0)	865,2
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ thôn Chúc Đồng 1 đi thôn Chúc Đồng 2 xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ	Phòng Quản lý đô thị	1	630,9	627,2	626,5	(0,6)	626,5
	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đường trục huyện (đoạn từ Bưu Điện đến Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ)	Phòng Quản lý đô thị	1	14.921,3	12.407,9	12.335,9	(72,0)	1.897,7
	Xử lý cách bách cải tạo, sửa chữa các hạng mục bị hư hỏng và thiết hai sau cơn bão số 3 của trường THCS xã Nam Phương Tiến A, xã Nam Phương Tiến	Phòng Quản lý đô thị	1	1.606,6	1.600,7	1.588,5	(12,2)	322,1
	Cải tạo, nâng cấp công, tường rào, nhà một cửa, nhà xe Huyện ủy HĐND - UBND huyện Chương Mỹ	Phòng Quản lý đô thị	1	13.670,0	11.480,4	11.460,7	(19,8)	1.751,5

STT	Loại dự án (công trình)	Chủ đầu tư	Số dự án	TM đầu tư	Giá trị đề nghị QT	Giá trị QT được duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với QT được duyệt
1	2	3	4	5	6	7	7=(7)-(6)	8
	cải tạo, sửa chữa hệ thống khung hạn chế xe quá khổ quá tải và lắp đặt lan can sắt trên vỉa hè khu vực Đài tưởng niệm Liệt sỹ huyện Chương Mỹ	Phòng Quản lý đô thị	1	-	192,0	190,2	(1,8)	190,2
	Cải tạo, sửa chữa hội trường UBND huyện Chương Mỹ	Phòng Quản lý đô thị	1	811,9	829,9	811,9	(18,0)	80,3
2	Ban quản lý dự án ĐTXD khu đất DV xã Phú Nghĩa		1	7.709	6.825	6.797	(28)	1.297
	Nhóm C		1	7.709	6.825	6.797	(28)	1.297
	Đường vào Khu đất dịch vụ Đồng Trà	Ban quản lý dự án ĐTXD khu đất DV xã	1	7.709,3	6.825,4	6.797,4	(28,0)	1.297,4
3	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện		21	226.316	201.251	200.695	(556)	8.979
	Nhóm C		21	226.316	201.251	200.695	(556)	8.979
	Nhà khách UBND huyện Chương Mỹ (giai đoạn 2)	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	6.500,0	5.500,2	5.426,1	(74,1)	95,8
	Trương Mắm non Trung tâm Tiên Phương	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	27.350,0	24.252,7	24.248,4	(4,3)	218,8
	Nhà làm việc một cửa + Phụ trợ UBND xã Tiên Phương	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	3.516,3	3.332,3	3.316,3	(15,9)	123,9
	Nhà khách huyện Chương Mỹ	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	19.491,2	16.834,4	16.762,9	(71,5)	3.388,5
	Trường THCS Hồng Phong, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	21.126,2	18.507,5	18.464,6	(42,9)	607,1
	Hội trường 350 chỗ và các hạng mục phụ trợ UBND xã Đồng Phú huyện Chương Mỹ	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	7.294,1	6.062,7	6.051,4	(11,3)	123,3
	Hội trường 300 chỗ và Phụ trợ UBND xã Đồng Lạc	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	4.711,3	4.297,8	4.297,8	(0,0)	320,1
	Trường THCS Đông Phương Yên, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	14.998,0	13.935,2	13.927,6	(7,6)	393,5
	Mua sắm thiết bị trường Tiểu học Hữu Văn huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	6.893,1	6.721,7	6.641,8	(79,9)	94,1
	Mua sắm thiết bị Trường THCS Hồng Phong, huyện Chương Mỹ TP Hà Nội	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	5.785,0	5.661,6	5.661,6	-	166,2
	Cải tạo trụ sở tiếp công dân huyện Chương Mỹ	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	4.324,9	4.006,4	3.981,2	(25,2)	1.091,5
	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất ở tại kh Trê Đê Từ La xã Phú Nam An	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	1.443,0	1.359,4	1.336,4	(22,9)	136,5
	Mở rộng, nâng cấp điểm tập kết rác khu Trại Tùu xã Hữu Văn	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	1.664,5	1.310,3	1.305,3	(5,0)	26,4
	Mở rộng, nâng cấp điểm tập kết rác khu Đồng Theo thôn Yên Trường, xã Trường Yên	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	1	1.126,4	939,2	935,0	(4,1)	14,6
	Trường THCS Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1	29.520,3	25.867,6	25.836,7	(30,9)	198,9
	Đường GTNT xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1	5.900,2	5.406,3	5.399,1	(7,2)	231,5
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu Ninh Kiều đi Trại Tầm phường Biên Giang	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1	14.997,3	13.841,4	13.773,5	(67,9)	107,3

STT	Loại dự án (công trình)	Chủ đầu tư	Số dự án	TM đầu tư	Giá trị đề nghị QT	Giá trị QT được duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với QT được duyệt
1	2	3	4	5	6	7	7=(7)-(6)	8
	Nâng cấp trạm bơm tiêu Văn La, xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1	9.345,1	7.419,5	7.399,2	(20,3)	540,0
	Sân vận hóa thể thao và hệ thống cây xanh, chiếu sáng trung tâm huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1	18.047,5	16.726,4	16.679,5	(46,9)	417,9
	Đường GTNT xã Đồng Phú	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1	7.654,4	7.453,9	7.441,9	(11,9)	331,9
	Đường nối trục phát triển kinh tế đến khu công nghiệp Phú Nghĩa	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1	14.627,1	11.814,5	11.808,3	(6,3)	351,3
4	UBND xã Lam Điền		1	28.301	28.067	28.008	(59)	51
	Nhóm C		1	28.301	28.067	28.008	(59)	51
	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Lam Điền	UBND xã Lam Điền	1	28.301,3	28.066,8	28.007,8	(58,9)	51,3
5	UBND xã Đồng Phú		1	6.114	5.178	4.986	(193)	2.857
	Nhóm C		1	6.114	5.178	4.986	(193)	2.857
	Đào đắp trục chính hệ thống GT và TLNĐ phục vụ công tác đôn điền đổi thửa xã Đồng Phú	UBND xã Đồng Phú	1	6.114,1	5.178,2	4.985,6	(192,7)	2.856,6
6	UBND xã Văn Võ		5	7.192	6.694	6.447	(246)	794
	Nhóm C		5	7.192	6.694	6.447	(246)	794
	Tư sửa cấp thiết di tích Đình Hạ Võ Lao (hạng mục Đại Bái) xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	UBND xã Văn Võ	1	2.189,7	2.076,4	2.016,1	(60,3)	400,8
	Các tuyến đường giao thông nông thôn các thôn Văn La, Võ Lao xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội - Gói 1 Tuyến đường từ bãi Yên đến nhà văn hóa 2-5 thôn Văn La	UBND xã Văn Võ	1	2.095,8	1.962,4	1.880,8	(81,6)	138,8
	Các tuyến đường giao thông nông thôn các thôn Văn La, Võ Lao xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội - Gói 6 Tuyến đường sau nhà ông Lan đến nhà	UBND xã Văn Võ	1	1.931,9	1.720,7	1.710,6	(10,0)	186,3
	Các tuyến đường giao thông nông thôn các thôn Văn La, Võ Lao xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội - Gói 4 Tuyến đường từ nhà ông Xuân lên xóm Cấp Tiến	UBND xã Văn Võ	1	340,4	318,8	305,8	(13,0)	25,6
	Các tuyến đường giao thông nông thôn các thôn Văn La, Võ Lao xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội - Gói 7 Tuyến đường Nguyễn Trãi bờ sông lên Đê Đáy	UBND xã Văn Võ	1	634,3	615,4	534,0	(81,4)	43,0
7	UBND xã Phụng Châu		12	24.984	23.687	22.894	(793)	11.868
	Nhóm C		12	24.984	23.687	22.894	(793)	11.868
	Đào đắp trục chính hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng phục vụ công tác đôn điền đổi thửa xã Phụng Châu; hạng mục: Đào đắp hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng thôn Long Châu Miếu và thôn Phương Bàn gđ 3	UBND xã Phụng Châu	1	1.643,1	1.515,7	1.445,3	(70,4)	778,2
	Đào đắp trục chính hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng phục vụ công tác đôn điền đổi thửa xã Phụng Châu	UBND xã Phụng Châu	1	3.974,6	3.940,0	3.794,0	(146,0)	2.129,5

STT	Loại dự án (công trình)	Chủ đầu tư	Số dự án	TM đầu tư	Giá trị đề nghị QT	Giá trị QT được duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với QT được duyệt
1	2	3	4	5	6	7	7=(7)-(6)	8
	Đào đắp trục chính hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng phục vụ công tác dồn điền đổi thửa xã Phụng Châu; hạng mục: Thôn Phụng Nghĩa giai đoạn 2	UBND xã Phụng Châu	1	3.569,1	3.137,6	2.975,6	(162,0)	1.613,2
	Đào đắp trục chính hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng phục vụ công tác dồn điền đổi thửa xã Phụng Châu; hạng mục: Đào đắp hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng thôn Long Châu Miếu và thôn Phương Bán giai đoạn 3	UBND xã Phụng Châu	1	1.643,1	1.515,7	1.445,3	(70,4)	778,2
	Đào đắp trục chính hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng phục vụ công tác dồn điền đổi thửa xã Phụng Châu	UBND xã Phụng Châu	1	3.974,6	3.940,0	3.794,0	(146,0)	2.129,5
	Nâng cấp, mở rộng khuôn viên Nhà văn hóa thôn Phương Bán xã Phụng Châu	UBND xã Phụng Châu	1	802,4	764,0	741,2	(22,8)	34,2
	Xây dựng nhà văn hóa thôn Long Châu Miếu xã Phụng Châu	UBND xã Phụng Châu	1	2.710,9	2.523,8	2.498,5	(25,3)	1.832,5
	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa và mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa thôn Phụng Bán xã Phụng Châu	UBND xã Phụng Châu	1	721,8	687,3	658,7	(28,6)	25,7
	Xây dựng nhà văn hóa thôn Long Châu Sơn xã Phụng Châu	UBND xã Phụng Châu	1	2.723,2	2.629,6	2.601,3	(28,3)	581,3
	Xây dựng sân thể thao thôn Phụng Bán xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ	UBND xã Phụng Châu	1	942,9	897,7	861,9	(35,9)	861,9
	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa và mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa thôn Phụng Nghĩa xã Phụng Châu	UBND xã Phụng Châu	1	1.112,6	1.056,1	1.015,4	(40,8)	41,4
	Đào đắp đường giao thông nội đồng thôn Phụng Nghĩa xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ	UBND xã Phụng Châu	1	1.165,8	1.079,6	1.062,7	(16,8)	1.062,7
8	UBND xã Quảng Bị		4	11.746	11.066	10.961	(105)	10.961
	Nhóm C		4	11.746	11.066	10.961	(105)	10.961
	Nhà văn hóa thôn 1 xã Quảng Bị	UBND xã Quảng Bị	1	3.947,3	3.764,7	3.716,1	(48,6)	3.716,1
	Nhà văn hóa thôn 1 xã Quảng Bị	UBND xã Quảng Bị	1	3.232,7	3.012,4	2.996,7	(15,7)	2.996,7
	Bổ sung các hạng mục công trình xây dựng nông thôn mới xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ	UBND xã Quảng Bị	1	2.027,7	1.850,6	1.841,3	(9,3)	1.841,3
	Kiến cố hóa hệ thống kênh mương từ đồng Dầu đội 9 đi đồng Váng đội 10, thôn 5 xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	UBND xã Quảng Bị	1	2.538,3	2.437,8	2.406,4	(31,4)	2.406,4
9	UBND xã Tốt Động		3	2.252	2.066	1.815	(251)	1.609
	Nhóm C		3	2.252	2.066	1.815	(251)	1.609
	Đào đắp trục chính hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng phục vụ công tác dồn điền đổi thửa xóm Và (gói 2) xã Tốt Động	UBND xã Tốt Động	1	1.234,3	1.138,8	1.105,8	(33,0)	1.105,8
	Đào đắp trục chính hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng phục vụ công tác dồn điền đổi thửa xóm Và (gói 1) xã Tốt Động	UBND xã Tốt Động	1	372,4	340,0	328,5	(11,6)	328,5
	Đào đắp trục chính hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng phục vụ công tác dồn điền đổi thửa xã Tốt Động (giai đoạn 2)	UBND xã Tốt Động	1	645,2	587,4	380,8	(206,6)	174,3
10	UBND xã Mỹ Lương		7	8.981	8.319	8.138	(180)	1.975
	Nhóm C		7	8.981	8.319	8.138	(180)	1.975

STT	Loại dự án (công trình)	Chủ đầu tư	Số dự án	TM đầu tư	Giá trị đề nghị QT	Giá trị QT được duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với QT được duyệt
1	2	3	4	5	6	7	7=(7)-(6)	8
	Chỉnh trang Trụ sở làm việc Đảng Ủy, HĐND - UBND xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ	UBND xã Mỹ Lương	1	672,3	656,3	632,4	(23,9)	28,7
	Cải tạo cổng, tường rào, khuôn viên UBND và Trạm y Tế xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ	UBND xã Mỹ Lương	1	644,0	628,6	617,7	(11,0)	22,1
	Cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ	UBND xã Mỹ Lương	1	713,1	680,0	648,0	(32,0)	648,0
	Xây dựng tường bao sân vận động thôn Khôn Duy xã Mỹ Lương	UBND xã Mỹ Lương	1	679,3	645,8	593,9	(51,9)	593,9
	Nhà văn hóa thôn Mỹ Lương, xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ	UBND xã Mỹ Lương	1	3.642,4	3.313,8	3.285,7	(28,2)	413,6
	Nhà văn hóa thôn Khôn Duy, xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ	UBND xã Mỹ Lương	1	1.562,9	1.425,7	1.399,8	(25,9)	155,2
	Xây dựng cổng, tường rào nhà văn hóa thôn Mỹ Lương, xã Mỹ Lương huyện Chương Mỹ; hạng mục: Cổng, tường rào + sân bê tông	UBND xã Mỹ Lương	1	1.066,8	968,2	960,7	(7,5)	113,7
11	UBND xã Phú Nghĩa		1	338	323	312	(11)	312
	Nhóm C		1	338	323	312	(11)	312
	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc một cửa UBND xã Phú Nghĩa và lát vỉa hè đường vào nghĩa trang liệt sỹ xã Phú Nghĩa	UBND xã Phú Nghĩa	1	337,6	323,1	311,9	(11,2)	311,9
12	UBND xã Thanh Bình		15	13.561	13.078	12.640	(439)	7.704
	Nhóm C		15	13.561	13.078	12.640	(439)	7.704
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thôn Tiến Phối xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	1.180,9	1.139,4	1.102,1	(37,3)	372,9
	Xây dựng hệ thống thoát nước khu đầu Dồn thôn Thanh Nê, xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	792,0	790,8	764,3	(26,5)	764,3
	Nâng cấp, cải tạo sân văn hóa thôn Thanh Nê xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	200,5	200,4	194,9	(5,5)	194,9
	Xây dựng hệ thống thoát nước Khu Đình thôn Thanh Nê và Khu Đồng Trôi thôn Kim Nê xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	672,4	670,1	648,8	(21,3)	648,8
	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ đầu làng đi nhà văn hóa thôn Đồi Chè xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	1.081,2	1.018,9	982,3	(36,6)	982,3
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thôn Kim Nê xã Thanh Bình, huyện Chương Mỹ	UBND xã Thanh Bình	1	1.038,1	908,0	884,8	(23,2)	7,8
	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa thôn Đồi Chè xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	877,7	877,5	846,7	(30,8)	846,7
	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa và mua sắm trang thiết bị nhà Văn hóa thôn Thanh Nê xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	855,2	855,0	823,5	(31,5)	398,5
	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa và mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa thôn Kim Nê xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	925,7	906,0	871,3	(34,7)	871,3
	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa và mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa thôn Trung Hoàng xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	975,9	958,5	924,6	(34,0)	924,6
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thôn Trung Hoàng và thôn Thanh Nền xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	1.211,6	1.151,5	1.114,8	(36,6)	97,8
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thôn Thanh Nê xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	1.216,7	1.138,7	1.111,7	(27,0)	101,7

STT	Loại dự án (công trình)	Chủ đầu tư	Số dự án	TM đầu tư	Giá trị đề nghị QT	Giá trị QT được duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với QT được duyệt
1	2	3	4	5	6	7	7=(7)-(6)	8
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ nhà văn hóa đi hồ nhà Ông Quỳnh thôn Đồi Chè xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	819,4	767,6	740,4	(27,2)	63,4
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ nhà văn hóa đi hồ nhà Ông Quỳnh thôn Đồi Chè xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	828,6	810,5	778,2	(32,3)	778,2
	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa và mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa thôn Đồi Chè xã Thanh Bình	UBND xã Thanh Bình	1	885,4	885,3	851,0	(34,3)	851,0
13	UBND xã Hoàng Văn Thụ		2	1.948	1.827	1.817	(9)	1.567
	Nhóm C		2	1.948	1.827	1.817	(9)	1.567
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Văn Sơn, xã Hoàng Văn Thụ	UBND xã Hoàng Văn Thụ	1	1.214,5	1.125,3	1.121,1	(4,2)	1.121,1
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Công An xã Hoàng Văn Thụ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	UBND xã Hoàng Văn Thụ	1	734,0	701,3	696,2	(5,0)	446,2
14	UBND xã Đông Phương Yên		4	6.006	5.799	5.682	(118)	893
	Nhóm C		4	6.006	5.799	5.682	(118)	893
	Sân thể thao thôn Đồi 3, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	UBND xã Đông Phương Yên	1	1.095,6	1.094,5	1.051,9	(42,6)	199,8
	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa các thôn; mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa xã Đông Phương Yên	UBND xã Đông Phương Yên	1	1.113,1	1.112,4	1.065,8	(46,6)	48,8
	Nhà văn hóa thôn Đông Cự, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	UBND xã Đông Phương Yên	1	1.887,5	1.785,4	1.771,4	(14,0)	320,0
	Nhà văn hóa thôn Đồi 1, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ	UBND xã Đông Phương Yên	1	1.910,3	1.806,9	1.792,5	(14,4)	324,5
15	UBND xã Thụy Hương		1	1.152	1.130	1.067	(63)	67
	Nhóm C		1	1.152	1.130	1.067	(63)	67
	Xây dựng trụ sở làm việc hợp tác xã nông nghiệp xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	UBND xã Thụy Hương	1	1.152,1	1.130,5	1.067,0	(63,5)	67,0
16	UBND xã Đại Yên		1	1.106	1.086	1.059	(27)	409
	Nhóm C		1	1.106	1.086	1.059	(27)	409
	Cải tạo, nâng cấp sân vận động trung tâm xã Đại Yên	UBND xã Đại Yên	1	1.105,8	1.086,2	1.059,1	(27,0)	409,1
17	UBND TT Chúc Sơn		1	1.147	1.070	1.031	(40)	655
	Nhóm C		1	1.147	1.070	1.031	(40)	655
	Cải tạo nhà văn hóa xóm Chùa, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	UBND thị trấn Chúc Sơn	1	1.146,8	1.070,5	1.030,5	(40,0)	655,3
18	UBND xã Phú Nam An		1	1.109	1.092	1.086	(6)	1.086
	Nhóm C		1	1.109	1.092	1.086	(6)	1.086
	Điểm tập kết rác xứ đồng Lợ Tía, thôn Mỗ Xá, xã Phú Nam An, huyện Chương Mỹ	UBND xã Phú Nam An	1	1.109,1	1.091,8	1.086,1	(5,7)	1.086,1
19	UBND xã Đồng Lạc		1	117	114	113	(1)	113
	Nhóm C		1	117	114	113	(1)	113
	Kiên cố hóa đoạn đường đi nghĩa trang thôn Hội Triều, xã Đồng Lạc, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	UBND xã Đồng Lạc	1	116,9	114,2	113,1	(1,1)	113,1
20	UBND xã Đông Sơn		1	515	485	482	(3)	482
	Nhóm C		1	515	485	482	(3)	482
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT từ cây đa thôn Đông Cự đi Đồng Chằm xã Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	UBND xã Đông Sơn	1	514,7	484,7	481,6	(3,1)	481,6